

Chương 2

Bài 2

BOX MODEL - LAYOUT

Nội dung bài 2

- Khái niệm box model
- CSS float/clear
- CSS position
- Layout

Box model

- Box model là khối không gian bao quanh các phần tử HTML.
- Box model quyết định các thành phần trên trang web sẽ xuất hiện và tương tác với nhau như thế nào
- Một box model có:
 - Content: nội dung (văn bản hoặc hình)
 - Padding: khoảng cách giữa border và nội dung
 - Border: đường viền
 - Margin: khoảng cách từ thành phần này đến thành phần khác



.example

```
{  
  width:200px;  
  padding:10px;  
  border:5px solid red;  
  margin:15px;  
}
```

Không gian dành
cho .example là ???

Border

Property	Description	Value
border-style	Kiểu đường viền	none, dotted, dashed, solid, double, groove, ridge, inset, outset
border-left-style	Kiểu đường viền trái	
border-right-style	Kiểu đường viền phải	
border-top-style	Kiểu đường viền trên	
border-bottom-style	Kiểu đường viền dưới	
border-width ⁽¹⁾	Độ dày đường viền	length: px,... medium, thin, thick
border-left-width	Độ dày đường viền trái	
border-right-width	Độ dày đường viền phải	
border-top-width	Độ dày đường viền trên	
border-bottom-width	Độ dày đường viền dưới	

Property	Description	Value
border-color ⁽¹⁾	Màu đường viền	#FF0000; rgb(255,0,0); red;
border-left-color	Màu viền trái	
border-right-color	Màu viền phải	
border-top-color	Màu viền trên	
border-bottom-color	Màu viền dưới	
border-left	Viết tắt các tính chất của viền trái	
border-right	Viết tắt các tính chất của viền phải	
border-top	Viết tắt các tính chất của viền trên	
border-bottom	Viết tắt các tính chất của viền dưới	
border	Viết tắt các tính chất của đường viền	

Border

- border-style

- border-style:dotted solid double dashed;

- Top→dotted
 - Right→solid
 - Bottom→double
 - Left→dashed;



- border-style:dotted solid double;

- Top→dotted
 - Right&left→solid
 - Bottom→double;



- border-style:dotted solid;

- Top&bottom→ dotted
 - Right&left→solid



- border-width, border-color: tương tự

Border

- Khi viết tắt cho border, thứ tự các thuộc tính như sau:
 - border-width
 - border-style (bắt buộc phải có)
 - border-color

Ví dụ:

```
border:5px solid red;
```


Margin

Property	Description	Value
margin-bottom	Ví dụ margin-bottom:100px;	
margin-left		
margin-right		
margin-top		
margin	Viết tắt các thuộc tính của margin. Ví dụ: margin: 25px 50px 75px 100px;	auto length: px, pt, cm,... %

Ví dụ:

```
p.margin { margin-top:100px; margin-bottom:100px; margin-right:50px; margin-left:50px; }
```

Padding

Property	Description	Value
padding-bottom		
padding-left		
padding-right		
padding-top		
padding	Viết tắt các thuộc tính padding. Ví dụ: padding:25px 50px 75px 100px;	Length: px, pt, em,... %
Ví dụ: p.padding { padding:25px 50px; }		

LAYOUT

Layout – dàn trang

- Layout: là cách bố trí bố cục, sắp xếp các đối tượng trên trang web, gồm các yếu tố như
 - Vị trí của từng vùng
 - Kích thước
 - Khoảng cách giữa các vùng
 -

header

sidebar

content

footer

Layout đơn giản

CSS Float/Clear

- Float dùng để đẩy một thành phần bất kỳ sang trái hoặc phải để tạo chỗ cho những thành phần ở sau di chuyển lên và phủ đầy chỗ trống nếu có.
- Ví dụ:

```
img{float:left;}
```

Float and clear



Elements are floated horizontally, this means that an element can only be floated left or right, not up or down. A floated element will move as far to the left or right as it can. Usually this means all the way to the left or right of the containing element. The elements after the floating element will flow around it. The elements before the floating element will not be affected. If an image is floated to the right, a following text flows around it, to the left

CSS Float/Clear

- Clear: không cho phép các thành phần được float ở bên trái hoặc bên phải nó
- Ví dụ:

```
p{clear:left;}
```

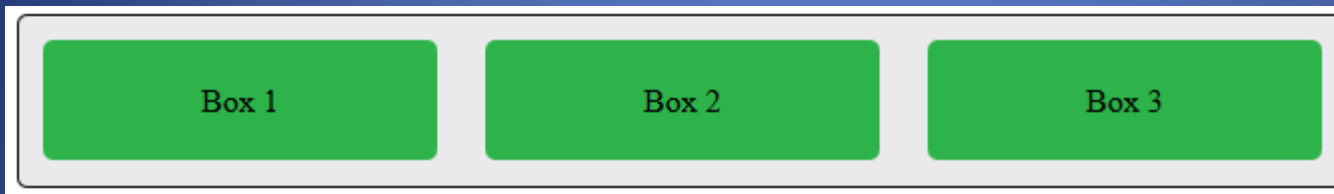
Float and clear



Elements are floated horizontally, this means that an element can only be floated left or right, not up or down. A floated element will move as far to the left or right as it can. Usually this means all the way to the left or right of the containing element. The elements after the floating element will flow around it. The elements before the floating element will not be affected. If an image is floated to the right, a following text flows around it, to the left

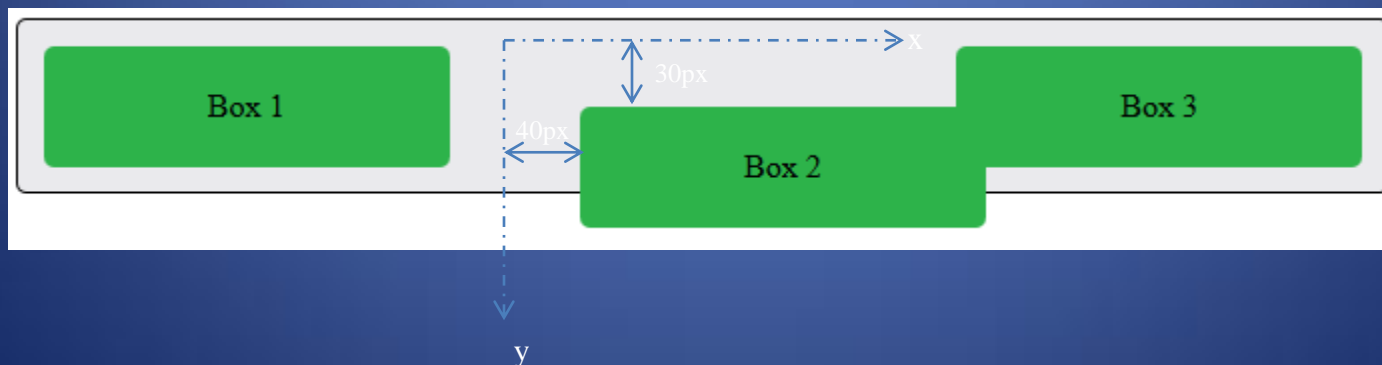
CSS Position

- Static: vị trí mặc định



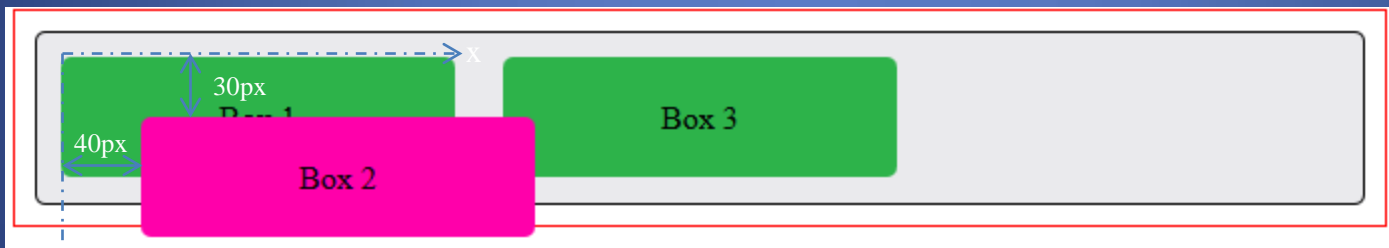
- Relative: xác định vị trí tương đối của đối tượng so với vị trí bình thường của nó

Ví dụ: `.box2{ position:relative; top:30px; left: 40px;}`



- Absolute: xác định vị trí tuyệt đối so với đối tượng cha (position:relative) chứa nó.
- Nếu đối tượng bên ngoài không xác định position thì sẽ so vị trí với body

Ví dụ:



```
.box-set  
{
```

```
background:#eaeaed;  
border:solid 1px;  
margin:10px;  
position:relative;
```

```
}
```

```
.box2  
{
```

```
position:absolute;  
background:#f0a;  
top:30px;  
left:40px;
```

```
}
```

CSS Position

- Fixed: tương tự absolute nhưng vị trí được so với trình duyệt, không di chuyển ngay cả khi scroll cửa sổ
- Ví dụ:

CSS Position

Property	Description	Values
top	Khoảng cách tới lề trên	auto; <i>length</i> ; %
bottom	Khoảng cách tới lề dưới	auto; <i>length</i> ; %
left	Khoảng cách tới lề trái	auto; <i>length</i> ; %
right	Khoảng cách tới lề phải	auto; <i>length</i> ; %
clip	Clip đối tượng được xét vị trí absolute	<i>Shape</i> : rect (<i>top</i> , <i>right</i> , <i>bottom</i> , <i>left</i>) auto
overflow		auto; hidden; scroll; visible
cursor	Xác định kiểu con trỏ chuột	<i>url</i> ; auto; crosshair; default; pointer; move; e-resize; ne-resize; nw-resize; n-resize; se-resize; sw-resize; s-resize; w-resize; text; wait; help
z-index	Xác định thứ tự xếp chồng	<i>number</i> ; auto; inherit

Các kỹ thuật dàn trang

